

Bản án số: 192/2018/DS-PT
Ngày: 21-11-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán hàng hóa"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo

Các Thẩm phán: 1- Ông Lê Lâm Sơn

2- Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2018/QĐ-PT ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khưu Phương Q, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp H1, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965.

Bà Lương Thị V, sinh năm: 1967.

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp H1, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Khuru Phương Q trình bày:** Chị có bán thức ăn nuôi trồng thủy sản cho bà V và ông Đ theo hình thức mua bán trả gởi đầu cho đến khi thu hoạch tôm xong trả dứt điểm trong vòng 3 tháng. Tuy nhiên khi thu hoạch tôm xong, bà V và ông Đ không thanh toán tiền cho chị. Tính đến ngày 05/02/2018 bà V và ông Đ còn thiếu chị số tiền 259.102.000 đồng. Chị tiếp tục cung cấp vật tư cho bà V và ông Đ là 70.604.000 đồng, hẹn đến ngày 21/6/2018 sẽ trả hết cho chị, nhưng khi thu hoạch tôm xong bà V và ông Đ không thanh toán nợ cho chị.

Nay chị yêu cầu bà V và ông Đ thanh toán cho chị tiền mua thức ăn nuôi trồng thủy sản còn thiếu, bao gồm:

Biên nhận ngày 05/02/2018 đến ngày 05/7/2018 số tiền gốc là 259.102.000 đồng, tiền lãi $259.102.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 21.505.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 280.607.000 đồng.

Biên nhận ngày 21/6/2018 số tiền là 70.604.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản gốc và lãi là 351.211.000 đồng.

*** Bị đơn bà Lương Thị V trình bày:** Bà thừa nhận trước đây có thỏa thuận mua thức ăn nuôi trồng thủy sản của chị Q với hình thức mua gởi đầu như chị Q trình bày.

Vụ đầu tiên bà trả được cho chị Q 80% (không nhớ số tiền bao nhiêu).

Vụ thứ hai chị Q là người đứng ra hướng dẫn kỹ thuật nhưng gia đình bà nuôi được 21 ngày thì tôm chết, không có tiền trả cho chị Q.

Vụ thứ 3 tôm được 18 ngày thì bị bệnh, ở vụ tôm này bà có trả cho chị Q được 50.000.000 đồng nhưng không nhớ tổng cộng nợ bao nhiêu.

Vụ thứ tư tôm được 47 ngày thì không bán nữa, ở vụ này bà không nhớ nợ chị Q bao nhiêu.

Nay chị Q yêu cầu bà trả hai khoản gốc và lãi với số tiền 351.211.000 đồng thì bà không đồng ý, bà chỉ thừa nhận gốc của 02 biên nhận là 329.706.000 đồng,

nên đồng ý trả tiền gốc 329.706.000 đồng, còn phần lãi 21.505.000 đồng bà không đồng ý vì hợp đồng các bên không có thỏa thuận phải trả thêm lãi.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:** Việc mua bán làm ăn do con ông là Nguyễn Văn S đứng ra mua bán với chị Q, ông chỉ liên quan đến việc làm ăn trong gia đình. Nay vợ ông là bà V thừa nhận còn nợ chị Q số tiền 329.706.000 đồng thì ông cũng thừa nhận nợ, nhưng việc chị Q kiện ông là không đúng vì ông không có làm ăn gì với chị Q, vợ con ông thiếu nợ chị Q thì họ tự chịu trách nhiệm, ông không đồng ý trả nợ cho chị Q.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S trình bày:** Anh thừa nhận lời trình bày của mẹ anh bà Lương Thị V là đúng và có bổ sung như sau: Vào khoảng tháng 7/2017 anh có lên nhà chị Q để nói chuyện nuôi tôm và yêu cầu chị Q bán thiếu thức ăn nuôi tôm chứ không phải bà V đứng ra giao kết hợp đồng. Việc ký kết này chỉ nói bằng lời nói không làm văn bản, trong khoản nợ 329.706.000 đồng thì anh nợ khoảng 150.000.000đồng, phần còn lại anh mua cho bà V và ông Đ. Nay anh thừa nhận còn nợ chị Q tiền gốc là 329.706.000 đồng và anh đồng ý trả luôn cả phần nợ của bà V và ông Đ nhưng xin trả dần 06 tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Khuru Phương Q yêu cầu bà Lương Thị V, ông Nguyễn Văn Đ phải trả tiền mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản.

Buộc bà Lương Thị V, ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho chị Khuru Phương Q số tiền 339.422.325 đồng, trong đó tiền gốc là 329.706.000 đồng, tiền lãi là 9.716.325 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Ngày 17/9/2018 bị đơn bà Lương Thị V kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu chị Q phải có trách nhiệm trong việc gây thiệt hại với anh S; bà V xin trả dần 100.000.000đồng/6 tháng cho đến khi hết số nợ 329.726.000đồng, không đồng ý trả tiền lãi 9.716.325 đồng.

*** Ngày 17/9/2018 ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung:** Ông Đ không đồng ý cùng với bà V trả số nợ theo yêu cầu khởi kiện của chị Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V đồng ý trả cho nguyên đơn chị Khuru phương Q số tiền nợ mua thức ăn nuôi trồng thủy sản vốn gốc là 329.706.000đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin trả dần bằng hình thức 06 tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả số tiền lãi 9.716.325 đồng. Nguyên đơn chị Khuru Phương Q không đồng ý cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà lương Thị V trả dần đối với số tiền vốn gốc 329.706.000đồng như yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V, mà yêu cầu trả dứt điểm một lần khi án có hiệu lực và chỉ đồng ý không yêu cầu tính số tiền lãi 9.716.325 đồng.

*** *Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị hướng giải quyết vụ án:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V đối với phần lãi suất theo sự tự nguyện của nguyên đơn chị Khuru Phương Q đồng ý không yêu cầu tính số tiền lãi 9.716.325 đồng; bác yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V về việc xin trả dần bằng hình thức 06 tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ mua thức ăn nuôi trồng thủy sản vốn gốc là 329.706.000đồng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H , tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị Khuru Phương Q với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Lương Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định bị đơn bà Lương Thị V có mua và hiện tại còn nợ nguyên đơn chị Khuru Phương Q số tiền thức ăn nuôi trồng thủy sản theo biên nhận ngày 05/02/2018 với số tiền gốc là 259.102.000đồng, biên nhận ngày 21/6/2018 số tiền là 70.604.000đồng, tổng cộng là 329.726.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V đồng ý trả cho nguyên đơn chị Khuru phương Q số tiền nợ mua thức ăn nuôi trồng thủy sản vốn gốc là 329.706.000đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin trả dần bằng hình thức 06 tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả số tiền lãi 9.716.325 đồng. Nguyên đơn chị Khuru Phương Q không đồng ý cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà lương Thị V trả dần đối với số tiền vốn gốc 329.706.000đồng như yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V, mà yêu cầu trả dứt điểm một lần khi án có hiệu lực và chỉ đồng ý không yêu cầu tính số tiền lãi 9.716.325 đồng.

[2] Xét nội dung kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V đồng ý trả cho nguyên đơn chị Khuru phương Q số tiền nợ mua thức ăn nuôi trồng thủy sản vốn gốc là 329.706.000đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin trả dần bằng hình thức 06 tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch mua bán tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 430 về hợp đồng mua bán tài sản “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán*”, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà lương Thị V đã nhận được tài sản từ hợp đồng mua bán tài sản thì phải có nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V.

[3] Xét nội dung kháng cáo bị đơn vợ chồng bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ xin không trả số tiền lãi 9.716.325 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn chị Khuru Phương Q đồng ý không yêu cầu tính số tiền lãi 9.716.325 đồng theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, trong thảo thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H , tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn vợ chồng bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện H , tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Khuru Phương Q về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” đối với bị đơn vợ chồng bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bị đơn vợ chồng bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Khuru Phương Q số tiền nợ vốn gốc 329.706.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải

trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn vợ chồng bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 16.485.300 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 600.000 đồng bà Lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ đã nộp theo lai thu số 0009092 và lai thu số 0009091 cùng ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H , bà lương Thị V và ông Nguyễn Văn Đ còn phải nộp tiếp 15.885.300 đồng (làm tròn 15.885.000 đồng).

Buộc nguyên đơn chị Khuru Phương Q phải chịu án phí là 589.434 đồng (làm tròn 589.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Khuru Phương Q đã nộp 8.780.000 đồng theo lai thu số 0006890 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H , chị Khuru Phương Q được nhận lại số tiền 8.190.566 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H ;
- THA dân sự huyện H ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bình Đảo